



Ban Văn hoá - Xã hội
Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh



Công đoàn viên chức
Thành phố Hồ Chí Minh



Sở Tư pháp
Thành phố Hồ Chí Minh



Sở Lao động Thương binh
và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh



Công an
Thành phố Hồ Chí Minh



Hội Bảo vệ Quyền Trẻ em
Thành phố Hồ Chí Minh

CẨM NANG HƯỚNG DẪN

Công tác cấp giấy khai sinh, mã số định danh, đăng ký cư trú
và thẻ căn cước cho trẻ em, thanh thiếu niên có hoàn cảnh đặc biệt
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Đơn vị đồng hành



Save the Children



Ban Văn hoá - Xã hội
Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh



Công đoàn viên chức
Thành phố Hồ Chí Minh



Sở Tư pháp
Thành phố Hồ Chí Minh



Sở Lao động Thương binh
và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh



Công an
Thành phố Hồ Chí Minh



Hội Bảo vệ Quyền Trẻ em
Thành phố Hồ Chí Minh

CẨM NANG HƯỚNG DẪN

Công tác cấp giấy khai sinh, mã số định danh, đăng ký cư trú
và thẻ căn cước cho trẻ em, thanh thiếu niên có hoàn cảnh đặc biệt
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh



Đơn vị đồng hành



Save the Children

BAN SOẠN THẢO, BAN BIÊN TẬP

- 1. Ông Cao Thanh Bình**, Trưởng Ban Văn hóa – Xã hội, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- 2. Ông Nguyễn Minh Nhựt**, Phó trưởng Ban Văn hóa – Xã hội, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- 3. Ông Nguyễn Văn Vũ**, Phó Giám đốc Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- 4. Ông Nguyễn Tăng Minh**, Phó Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh;
- 5. Bà Hồ Thị Lãnh**, Phó Trưởng Phòng PC06 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- 6. Ông Nguyễn Võ Cao Cường**, Cán bộ Phòng PC06 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- 7. Ông Lê Văn Long**, Phó Trưởng Phòng Hộ tịch - Quốc tịch, Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- 8. Ông Đặng Hoàng Nam**, chuyên viên phòng Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

1. Lời giới thiệu3
2. Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính diện nhân khẩu đặc biệt không có giấy tờ tùy thân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.....4
3. Sơ đồ Quy trình phối hợp giải quyết thủ tục hành chính diện nhân khẩu đặc biệt không có giấy tờ tùy thân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.....16
4. Tổng quan các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác đăng ký khai sinh cho một số nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt18

LỜI GIỚI THIỆU

Nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc cấp giấy khai sinh, mã số định danh, đăng ký cư trú, căn cước công dân đối với các nhóm trẻ em, thanh niên có hoàn cảnh đặc biệt và nguy cơ trong các cơ sở trợ giúp trẻ em, lớp học tình thương trên địa bàn Thành phố.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước, chúng tôi nhận thấy sự cần thiết phải biên soạn và biên tập “Cẩm nang hướng dẫn phối hợp giải quyết thủ tục hành chính diện nhân khẩu đặc biệt không có giấy tờ tùy thân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” giữa hai ngành Tư pháp và Công an hướng tới mục tiêu đảm bảo các công dân đều có thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công dân, đưa Đề án 06/CP gần hơn với thực tế và đời sống của nhân dân.

Chúng tôi hy vọng rằng cuốn cẩm nang này sẽ giúp ích cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác phối hợp giải quyết thủ tục hành chính diện nhân khẩu đặc biệt không có giấy tờ tùy thân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

QUY CHẾ PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHO ĐIỆN NHÂN KHẨU ĐẶC BIỆT KHÔNG CÓ GIẤY TỜ TÙY THÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020;
- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023;
- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014;
- Luật Quốc tịch số 24/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật quốc tịch Việt Nam;

- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất;

- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Quyết định số 6824/QĐ-BCA-C06 ngày 26/8/2021 của Bộ Công an về ban hành Quy trình thu thập, cập nhật, chỉnh sửa và kiểm tra, phúc tra thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

- Quyết định số 320/QĐ-BCA ngày 16/01/2024 của Bộ Công an về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú và lĩnh vực đăng ký, quản lý xuất nhập cảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an;

- Quy chế phối hợp số 656/QCPH-HTQTCT-CNTT-C06 ngày 01/6/2023 về Cấp, hủy, cấp lại và xác lập Sổ định danh cá nhân cho công dân;

- Kế hoạch số 1878/KH-BCĐ ngày 20/4/2023 của Ban Chỉ đạo Đề án 06 Thành phố Hồ Chí Minh về phối hợp thực hiện công tác thu thập dữ liệu dân cư, cấp Định danh cá nhân, giải quyết cư trú và cấp Căn cước công dân đối với các trường hợp thuộc diện nhân khẩu đặc biệt trên địa bàn Thành phố;

- Kế hoạch số 2568/KH-CATP-PC06 ngày 23/5/2023 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh về phối hợp thực hiện công tác thu thập dữ liệu dân cư, cấp Định danh cá nhân, giải quyết cư trú và cấp Căn cước công dân đối với các trường hợp thuộc diện nhân khẩu đặc biệt trong Công an Thành phố.

II. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Bước 1: Rà soát và phát hiện

Thông qua công tác quản lý, giải quyết các thủ tục hành chính của các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, Công an phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố; đề nghị của khu phố, người làm công tác xã hội trên địa bàn dân cư và người dân để ghi nhận các trường hợp nhân khẩu không có sổ định danh cá nhân, chưa có Giấy tờ tùy thân cư trú trên địa bàn.

Khi tiếp nhận các trường hợp không có sổ Định danh cá nhân đơn vị thống kê, lập danh sách các nhân khẩu theo mẫu “Danh sách nhân khẩu đặc biệt” để phối hợp Công chức tư pháp và Công an cấp xã thực hiện việc khai thác thông tin dân cư (theo mẫu đính kèm) ban đầu và sàng lọc thông tin dân cư để xử lý.

Trách nhiệm: Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, chỉ đạo, phân công, giám sát việc phối hợp thực hiện việc rà soát, khai thác thông tin dân cư ban đầu.

2. Bước 2: Sàng lọc nhận diện và phân loại nhân khẩu đặc biệt

2.1. Trường hợp 1: Qua tra cứu hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác định có số định danh cá nhân/Căn cước công dân (gắn chip)/Căn cước **thì xác định không phải nhân khẩu đặc biệt.**

Trách nhiệm: Công an cấp xã tra cứu, xác minh, xác định chính xác thông tin công dân và cung cấp số Định danh cá nhân, hướng dẫn đăng ký cư trú và cấp Căn cước theo quy định.

- Xác minh sinh trắc tại các Phòng nghiệp vụ hoặc sử dụng thiết bị xác minh thông tin di động để đảm bảo việc xác định chính xác thông tin dân cư và cung cấp số Định danh cá nhân cho công dân.

Thời gian thực hiện và hoàn thành:
01 - 05 ngày.

- Khi xác định chính xác số Định danh cá nhân của công dân, Công an cấp xã hướng dẫn **đăng ký cư trú** theo quy định của Luật Cư trú 2020.

Thời gian thực hiện và hoàn thành:
03 - 05 ngày.

- Công an cấp huyện thu nhận hồ sơ cấp Căn cước cho công dân theo quy định của Luật Căn cước năm 2023.

*Thời gian thực hiện và hoàn thành:
07 ngày.*

2.2. Trường hợp 2: Qua tra cứu hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư **không có** số Định danh cá nhân, tiếp tục sàng lọc để **xác định** công dân có Giấy khai sinh/có thông tin hộ tịch trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch của Thành phố Hồ Chí Minh hay không?

Trách nhiệm: Công chức tư pháp cấp xã tra cứu, xác minh, xác định công dân đã được đăng ký khai sinh hay chưa?

2.2.1. Nếu có Giấy khai sinh/thông tin hộ tịch trên hệ thống thông tin quản lý hộ tịch của Thành phố Hồ Chí Minh: Công chức tư pháp cung cấp cho Công an cấp xã bản sao Giấy khai sinh để được thu thập thông tin dân cư, tiến hành các biện pháp xác minh nhân thân, xác minh cư trú; cấp Số Định danh cá nhân, giải quyết cư trú và cấp Căn cước theo quy định.

Trách nhiệm:

- Công chức tư pháp cấp xã thực hiện tra cứu, cấp bản sao Giấy khai sinh và chuyển Công an cấp xã để phối hợp các biện pháp xác minh nhân thân, xác minh cư trú để đảm bảo quy trình **cấp Số định danh cá nhân** như sau:

+ **Nếu công dân sinh sau ngày 01/01/2016**, thì thông tin số Định danh cá nhân đã thể hiện trên Giấy khai sinh. Công an cấp xã căn cứ thông tin số Định danh cá nhân của công dân để hướng dẫn, giải quyết đăng ký cư trú, cấp Căn cước theo quy định.

+ **Nếu công dân sinh trước ngày 01/01/2016**, thì thông tin số Định danh cá nhân sẽ do Công an cấp xã thu thập (mẫu DC01), đồng bộ trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp. Khi đó, căn cứ kết quả xác minh thông tin cư trú của công dân để xác định trách nhiệm xác lập số Định danh của công dân như sau:

* *Công dân hiện có nơi đăng ký thường trú:* Công an cấp xã nơi ở hiện tại của công dân thu thập thông tin dân cư (mẫu DC01) theo quy định sau đó trao đổi và đề

ngộ Công an cấp xã nơi công dân có đăng ký thường trú đồng bộ, cấp Số định danh cá nhân cho công dân.

Thời gian thực hiện và hoàn thành:

03-05 ngày.

* Công dân hiện không có nơi đăng ký thường trú: Công an cấp xã nơi ở hiện tại của công dân thu thập thông tin dân cư (mẫu DC01), đồng bộ, cấp Số định danh cá nhân cho công dân.

Thời gian thực hiện và hoàn thành:

01 ngày.

• Công an cấp xã hướng dẫn **đăng ký cư trú** theo quy định của Luật Cư trú 2020 sau khi xác lập số Định danh cá nhân của công dân.

Thời gian thực hiện và hoàn thành:

03-05 ngày.

• Công an cấp huyện thu nhận hồ sơ cấp Căn cước cho công dân theo quy định của Luật Căn cước năm 2023.

Thời gian thực hiện và hoàn thành:

07 ngày.

2.2.2. Nếu Không có giấy khai sinh/ thông tin hộ tịch trên hệ thống thông tin quản lý hộ tịch của Thành phố Hồ Chí Minh và các Tỉnh/Thành phố khác (căn cứ trên xác minh lịch sử cư trú của công dân để xác minh) (2): xác định là **nhân khẩu đặc biệt**.

Trách nhiệm: Công an cấp xã và Công chức tư pháp phối hợp thực hiện việc khai thác thông tin dân cư (theo mẫu đính kèm), căn cứ nội dung khai thác:

- **Công an cấp xã:** tiến hành các biện pháp xác minh thông tin nhân thân, thông tin cư trú sau đó báo cáo kết quả xác minh cho Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo Công chức tư pháp cấp xã căn cứ thông tin do Công an cung cấp tiến hành xác minh về sự kiện sinh, thông tin nơi sinh, ngày tháng, năm sinh, quan hệ cha, mẹ, con (đối với trường hợp có lịch sử cư trú tại các Tỉnh/Thành phố khác thực hiện xác minh việc đã được đăng ký khai sinh hay chưa).

- **Công chức tư pháp cấp xã:** căn cứ kết quả xác minh xác định:

+ *Trường hợp công dân đã có thông tin về Hộ tịch trên địa bàn các Tỉnh/Thành*

phố khác thì hướng dẫn công dân liên hệ đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn Tỉnh/ Thành phố khác nơi có thông tin hộ tịch để trích lục khai sinh và cung cấp cho Công an cấp xã để thu thập thông tin dân cư.

+ Trường hợp công dân không có thông tin về việc đăng ký khai sinh thì Công chức tư pháp hộ tịch (hướng dẫn khai Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu) căn cứ vào xác nhận tình trạng cư trú do Công an cấp xã xác nhận nếu công dân không có nơi thường trú, tạm trú và hiện tại đang cư trú tại địa phương cùng với kết quả xác minh thông tin nhân thân, thông tin cư trú, thông tin nơi sinh, ngày tháng, năm sinh, quan hệ cha, mẹ, con, văn bản cam đoan của người được đăng ký khai sinh... tiến hành việc đăng ký khai sinh.

** Trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi trên cơ sở biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi, niêm yết thông tin trẻ bị bỏ rơi tại trụ sở trong thời hạn 07 ngày, Công chức tư pháp hộ tịch (hướng dẫn khai Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu) căn cứ vào xác nhận tình trạng cư trú do Công an cấp xã xác nhận nếu trẻ không có nơi thường*

trú, tạm trú và hiện tại đang cư trú tại địa phương tiến hành việc đăng ký khai sinh.

Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang cư trú cấp Giấy khai sinh, Công chức tư pháp cấp xã cung cấp cho Công an cấp xã để phối hợp cấp Sổ định danh cá nhân nếu công dân sinh trước ngày 01/01/2016.

- Công an cấp xã hướng dẫn **đăng ký cư trú** theo quy định của Luật Cư trú 2020 sau khi xác lập số Định danh cá nhân của công dân.

*Thời gian thực hiện và hoàn thành:
03-05 ngày.*

- Công an cấp huyện thu nhận hồ sơ cấp Căn cước cho công dân theo quy định của Luật Căn cước năm 2023.

*Thời gian thực hiện và hoàn thành:
07 ngày.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO



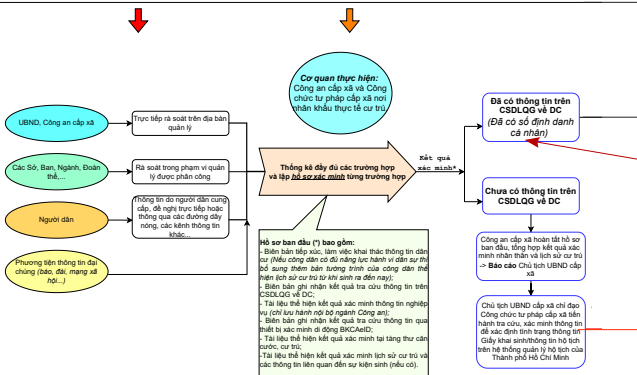
*(Vui lòng quét mã QR để xem các văn bản
và tài liệu có liên quan)*

SƠ ĐỒ HƯỚNG DẪN PHỐI HỢP XỬ LÝ NHÂN

BƯỚC 1: Rà soát và phát hiện nhân khẩu có khả năng thuộc diện **"Không có giấy tùy thân"**

BƯỚC 2: Lập hồ sơ ban đầu, tiến hành xác minh nhân thân và lịch sử cư trú

BƯỚC 3: Căn cứ phân loại, nhận diện



Vui lòng quét mã QR để biết rõ chi tiết quy trình phối hợp

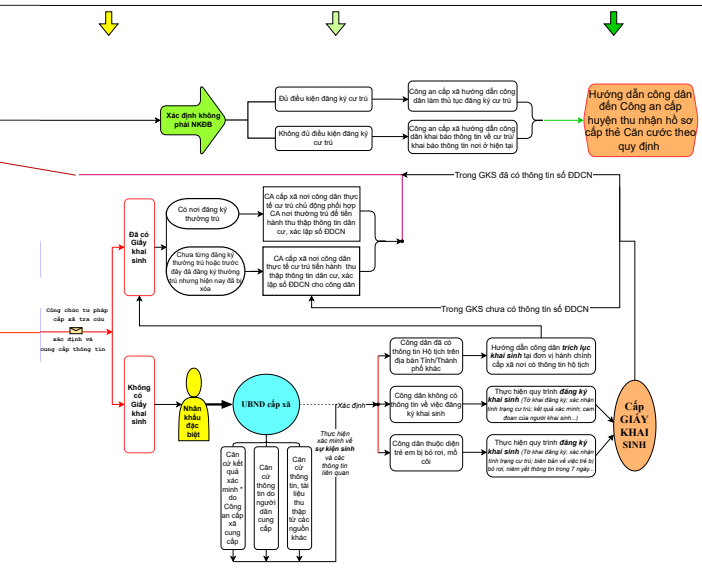
Phòng PC06 CA, TP HCM

KHẨU ĐẶC BIỆT DIỆN "KHÔNG CÓ GIẤY TỜ TÙY THÂN"

kết quả xác minh thực hiện sàng lọc,

BƯỚC 4: Xử lý sau phân loại

BƯỚC 5: Hoàn tất quá trình xử lý



TỔNG QUAN CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ KHAI SINH CHO MỘT SỐ NHÓM TRẺ CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT

PHẦN 1. QUY ĐỊNH QUYỀN KHAI SINH

Quyền được khai sinh là một trong những quyền nhân thân quan trọng của mỗi cá nhân, được ghi nhận tại Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em mà Việt Nam là thành viên, đồng thời, được nội luật hóa trong các văn bản pháp luật quan trọng của Việt Nam như: Bộ luật Dân sự (năm 2015), Luật Trẻ em (năm 2016), Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014), Luật phổ cập giáo dục, Luật lao động, Luật tố tụng hình sự... Trong đó, một số điều luật đã khẳng định rõ, như: Điều 13 Luật trẻ em khẳng định: “trẻ em có quyền được khai sinh, quyền có họ, tên, có quốc tịch; được xác

định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật”; Điều 30 Bộ luật Dân sự xác định: “Cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh”.

Quyền được khai sinh của mỗi cá nhân được thực hiện thông qua thủ tục đăng ký khai sinh (ĐKKS) tại cơ quan có thẩm quyền. ĐKKS là sự ghi nhận về mặt pháp lý sự ra đời, tồn tại của một cá nhân, là cơ sở làm phát sinh các quyền nhân thân của cá nhân, đồng thời, là cơ sở để Nhà nước quản lý thông tin, dữ liệu cá nhân.

PHẦN 2. TRÁCH NHIỆM ĐĂNG KÝ KHAI SINH CHO TRẺ

Về phía gia đình, việc thực hiện ĐKKS cho trẻ em vừa là quyền, cũng vừa là trách nhiệm. Theo đó, trong thời hạn 60 ngày (kể từ ngày sinh con), cha hoặc mẹ có trách nhiệm ĐKKS cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đi ĐKKS cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác có trách nhiệm ĐKKS cho trẻ em.

Về phía xã hội, đối với trẻ bị bỏ rơi/trẻ chưa xác định được cha, mẹ thì cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đi ĐKKS cho trẻ theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

Về phía cơ quan nhà nước, trực tiếp là công chức tư pháp – hộ tịch có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện việc ĐKKS cho trẻ em trên địa bàn trong thời hạn quy định; trường hợp phát hiện trẻ em sinh ra mà cha mẹ bị khuyết tật, ốm bệnh không thể đi ĐKKS cho con, cha mẹ bị bắt, tạm giam hoặc đang thi hành án phạt tù mà không còn ông bà nội, ngoại và người thân thích khác hoặc những người này không có điều kiện đi ĐKKS cho trẻ thì có trách nhiệm tham mưu UBND cấp xã tiến hành ĐKKS lưu động. Quy định ĐKKS lưu động trong những trường hợp này là hết sức cần thiết và có ý nghĩa, giúp bảo đảm quyền được ĐKKS của trẻ.

Về thời hạn giải quyết, ĐKKS là một trong số ít các thủ tục hộ tịch được giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ (trừ trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết ngay được thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo).

PHẦN 3. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỤ THỂ

Từ khi triển khai thi hành Luật hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành, với nhiều quy định có tính cải cách thủ tục hành chính mạnh mẽ, việc ĐKKS cho trẻ em đã có nhiều thuận lợi hơn, nhận thức của đa số người dân về tầm quan trọng và sự cần thiết của việc ĐKKS đã được nâng lên. Phần lớn trẻ em sinh ra được ĐKKS sớm hơn, tỷ lệ ĐKKS đúng hạn được nâng lên.

3.1. Quy định pháp luật về thẩm quyền ĐKKS theo hướng mở rộng

Để bảo đảm quyền ĐKKS cho trẻ em, Luật hộ tịch đã quy định mở rộng thẩm quyền ĐKKS cho trẻ theo hướng: UBND cấp xã nơi cư trú của người mẹ hay người cha đều có “thẩm quyền tương đương” trong việc ĐKKS cho trẻ, nơi cư trú ở đây bao gồm cả nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi đăng ký tạm trú và không có thứ tự ưu tiên. Trường hợp cha, mẹ trẻ không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì vẫn xác định được cơ quan có thẩm quyền và trách nhiệm ĐKKS

cho trẻ là UBND cấp xã nơi cha, mẹ/trẻ đang sinh sống. Như vậy, cha, mẹ, người thân thích của trẻ hoàn toàn có quyền chủ động trong việc lựa chọn nơi ĐKKS cho trẻ sao cho thuận tiện, phù hợp nhất.

Vấn đề này được quy định tại Điều 13. Thẩm quyền đăng ký khai sinh - Luật Hộ tịch “Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh”

Đối với trẻ bị bỏ rơi, trẻ chưa xác định được cha và mẹ, pháp luật hộ tịch quy định thẩm quyền ĐKKS thuộc UBND cấp xã nơi phát hiện và lập Biên bản về việc trẻ sơ sinh bị bỏ rơi/nơi trẻ đang sinh sống.

Luật hộ tịch đã quy định cụ thể nội dung ĐKKS, bảo đảm việc xác định các thông tin về nhân thân của trẻ thuận lợi, chính xác, đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 14 Luật hộ tịch thì nội dung ĐKKS gồm: các thông tin của người được ĐKKS (Bao gồm: họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch); thông tin về cha, mẹ của người được ĐKKS (Bao gồm: họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú); số định

đanh cá nhân của người được ĐKKS; các thông tin này được ghi trong Giấy khai sinh và Sổ ĐKKS.

Điều 14 Luật Hộ tịch quy định

“1. Nội dung đăng ký khai sinh gồm:

a) Thông tin của người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch;

b) Thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú;

c) Số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh.

2. Việc xác định quốc tịch, dân tộc, họ của người được khai sinh được thực hiện theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam và pháp luật dân sự.

3. Nội dung đăng ký khai sinh quy định tại khoản 1 Điều này là thông tin hộ tịch cơ bản của cá nhân, được ghi vào Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hồ sơ, giấy tờ của

cá nhân liên quan đến thông tin khai sinh phải phù hợp với nội dung đăng ký khai sinh của người đó”

3.2. Pháp luật hộ tịch có quy định chi tiết, cụ thể việc ĐKKS cho một số nhóm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, bảo đảm đơn giản hóa đến mức tối đa việc thực hiện quyền được ĐKKS của trẻ em, cụ thể:

ĐKKS cho trẻ bị bỏ rơi (Điều 14 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP) theo hướng thuận lợi hơn, cơ quan có thẩm quyền lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi có thể là UBND cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi. Sau khi lập Biên bản và giao cho tổ chức, cá nhân tạm thời nuôi dưỡng, UBND cấp xã chỉ cần thực hiện việc niêm yết tại trụ sở mà không cần phải đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng.

ĐKKS cho trẻ em chưa xác định được cha, mẹ (Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP) theo hướng bảo đảm quyền được ĐKKS của trẻ. Thực tế, có thể trẻ đang sống cùng người thân nhưng do không có giấy tờ chứng minh mối quan hệ nên để tháo gỡ vướng mắc này, có cơ sở xác định nội dung ĐKKS, việc

ĐKKS cho trẻ cũng được áp dụng quy định về thủ tục ĐKKS đối với trẻ bị bỏ rơi.

Thông tư số 04/2020/TT-BTP đã quy định: “Khi đăng ký khai sinh cho trẻ em mà có người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cha hoặc mẹ kết hợp giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh và thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con. Trường hợp đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con mà một bên có yêu cầu là người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài thì thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam”.

Để bảo đảm thuận lợi hơn cho người dân, đồng thời khuyến khích việc ĐKKS đúng thời hạn, Luật hộ tịch quy định các trường hợp ĐKKS lần đầu đối với trẻ em là con của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thì được miễn lệ phí. Việc miễn lệ phí ĐKKS cho các trường hợp này có ý nghĩa rất lớn trong việc tạo động lực để người dân đi ĐKKS cho trẻ em, nhất là các gia đình và đối tượng có điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn.

3.3. Quy định tại Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất

Trước thời điểm Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 05/5/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế quy định về việc thực hiện liên thông 03 TTHC: ĐKKK, đăng ký thường trú và cấp Thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi để thực hiện 3 thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ, cha mẹ hoặc người thân thích của trẻ phải đến 03 cơ quan khác nhau: cơ quan đăng ký hộ tịch để ĐKKK, cơ quan công an để đăng ký thường trú; cơ quan bảo hiểm xã hội để làm thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho trẻ. Việc thực hiện 03 thủ tục tại 3 cơ quan riêng biệt khiến người dân phải đi lại nhiều lần, tốn kém thời gian, công sức và tiền bạc. Bên cạnh đó, do nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, nên có trường hợp không biết các thủ tục cần làm tiếp theo sau khi ĐKKK

cho trẻ, thậm chí vẫn có người cho rằng, nếu chưa sử dụng đến các giấy tờ này (Thẻ BHYT) thì chưa cần thiết phải thực hiện. Do đó, có trường hợp, bố mẹ sau khi đi ĐKKK cho con thì “quên” không đăng ký thường trú, không đề nghị cấp thẻ BHYT cho con, ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của trẻ em.

Trên cơ sở lợi ích từ kết quả thực hiện liên thông các nhóm TTHC Chính phủ đã ban hành Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất. Với quy định liên thông này, người có yêu cầu chỉ cần nộp hồ sơ tại 01 đầu mối là cơ quan đăng ký hộ tịch và được nhận kết quả giải quyết của 03 TTHC tại cơ quan này, tiết kiệm được thời gian, chi phí đi lại, đồng thời, tránh việc “bỏ sót” các TTHC liên quan đến quyền lợi của trẻ em. Bên cạnh đó, việc gắn thủ tục ĐKKK với thủ tục cấp Thẻ BHYT cũng là một biện pháp thúc đẩy người dân tự nguyện đi ĐKKK cho trẻ, từ đó góp phần nâng cao tỷ lệ ĐKKK đúng hạn.

Quy định về đăng ký hộ tịch trực tuyến nói chung tại Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 và quy định liên thông trực tuyến nhóm dịch vụ “Đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi” nêu trên đã tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác đăng ký hộ tịch; bảo đảm thuận tiện nhất cho người dân trong việc thực hiện quyền đăng ký hộ tịch nói chung, quyền đăng ký khai sinh của trẻ em nói riêng.

3.4 Những vướng mắc, bất cập của quy định pháp luật hộ tịch và pháp luật có liên quan đối với thủ tục ĐKKS

Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn còn tình trạng trẻ chưa được ĐKKS, việc ĐKKS cho nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt vẫn gặp phải một số vướng mắc nhất định như: việc xác định nội dung ĐKKS (tên, họ, dân tộc, quê quán...) cho trẻ bị bỏ rơi, trẻ em sống tại các Cơ sở bảo trợ xã hội chưa đúng quy định pháp luật; việc xác định thông tin về ngày, tháng sinh của trẻ bị bỏ rơi chưa chính xác do không có Biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi....

Quy định về quy trình cấp Giấy chứng sinh chưa chặt chẽ, dữ liệu Giấy chứng sinh chưa được tập trung, liên thông để thực hiện việc ĐKKS.

Hiện tại, các cơ sở y tế chưa có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, việc ghi thông tin về người mẹ trong Giấy chứng sinh hoàn toàn dựa vào các thông tin mà người yêu cầu cấp Giấy chứng sinh cung cấp. Điều này dễ dẫn đến tình trạng người dân “lách luật” để xin cấp Giấy chứng sinh với thông tin về người mẹ không chính xác, từ đó ĐKKS với nội dung không xác thực.

Việc xác định nội dung ĐKKS còn chưa thống nhất, quy định về việc đặt tên, xác định thành phần dân tộc, quê quán cho trẻ khi ĐKKS chưa rõ ràng Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2005 đã có quy định cụ thể, chi tiết về nguyên tắc đặt tên. Đoạn 2 khoản 3 Điều 26 BLDS quy định: *“Tên của công dân Việt Nam phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam; không đặt tên bằng số, bằng một ký tự mà không phải là chữ”,* đồng thời, *Thông tư số 04/2020/TT-BTP có quy định “Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hoá tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng”.* Tuy nhiên, hiện tại, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định thế nào là tên tiếng Việt, thế nào là tên bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam hoặc

tên bằng số/tên bằng một ký tự như thế nào thì không được chấp nhận, dẫn đến các cơ quan đăng ký hộ tịch còn lúng túng khi thực hiện thủ tục ĐKKS cho trẻ em do không xác định được tên mà người dân lựa chọn có phải là tên tiếng Việt hay không. Do văn bản chưa quy định cụ thể, nên những vướng mắc liên quan đến việc đặt tên cho trẻ phải xin ý kiến hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên, ít nhiều cũng làm ảnh hưởng tới thời gian giải quyết thủ tục ĐKKS cho trẻ.

3.5. Đánh giá về thực trạng đăng ký khai sinh (ĐKKS)

Về trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch, cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện tốt, đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân. Kết quả khảo sát tại hầu hết các đơn vị đều cho thấy: các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch đều được niêm yết đầy đủ tại trụ sở UBND; quy định về trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch thuận lợi, hợp lý.

Về biểu mẫu, đa số các địa phương được yêu cầu báo cáo đều cho rằng biểu mẫu hiện hành đã phù hợp, thuận lợi, không có khó khăn, vướng mắc trong quá trình sử dụng.

Việc tổ chức triển khai thực hiện công tác đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật được chính quyền cấp cơ sở thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về cơ sở vật chất, công chức làm công tác hộ tịch tại các đơn vị khảo sát đều được trang bị đầy đủ, kịp thời máy tính kết nối mạng Internet, máy in phục vụ riêng cho công tác đăng ký hộ tịch. hiện khá đồng bộ và nghiêm túc, cơ bản đi vào nề nếp, hoạt động hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật hộ tịch
2. Luật Quốc tịch
3. Luật Nuôi con nuôi
4. Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch
5. Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật quốc tịch Việt Nam
6. Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày

05/3/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật nuôi con nuôi

7. Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

8. Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến

9. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng

10. Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất

11. Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch

12. Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến

13. Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Địa chỉ: 65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại : 04.3 9260024 Fax :04.3 9260031

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập viên: Nguyễn Thị Phương Mai

In 3.000 quyển, khổ 10 x 14,5 cm tại Công ty TNHH LUCK HOUSE; Địa chỉ: 4/6/518 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Quyết định xuất bản số: 509/QĐ-NXBHĐ

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số: 4232-2024/CXBI-PH/11-181/HĐ

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-321-613-4

In xong và nộp lưu chiểu năm 2024.



9 786043 216134

SÁCH KHÔNG BÁN